

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI
Năm 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực - VVMI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102274810
- Vốn điều lệ: 12 000 000 000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 12 000 000 000 đồng
- Địa chỉ: số 506 đường Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
- Số điện thoại: 04 38272723
- Số fax: 04 38780934
- Website: www.apluco.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): APL

Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần cơ khí và Thiết bị áp lực là Xí nghiệp thu hồi vật tư ứ đọng thuộc Công ty vật tư theo quyết định số 909 ĐT-NCĐLKT ngày 4/6/1974 của Bộ Điện và Than.

Ngày 8 tháng 6 năm 1981, Bộ trưởng Bộ Mỏ và Than ra Quyết định số 23/MT-TCCB3 tổ chức lại Công ty phục hồi thiết bị trực thuộc Bộ Mỏ và Than (Gồm bộ máy quản lý của cơ quan Công ty và Xí nghiệp thu hồi vật tư ứ đọng) thành Xí nghiệp thu mua và phục hồi vật tư thiết bị trực thuộc Công ty Vật tư kể từ ngày 01 tháng 07 năm 1981.

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, ngày 30/6/1993 Bộ trưởng Bộ Năng lượng có quyết định số 467 NL-TCCB-LĐ thành lập Xí nghiệp kinh doanh vật tư và chế tạo bình áp lực trực thuộc Công ty Coalimex. Đến tháng 5/1995 chuyển sang trực thuộc Công ty Than Nội địa Tổng Công ty Than Việt Nam. ✓

Tháng 10 năm 2004 Xí nghiệp Kinh doanh Vật tư và Chế Tạo Bình áp lực chuyên thành Công ty Cổ phần cơ khí và Thiết bị áp lực Than nội địa theo quyết định số 69/2004-QĐ-BCN ngày 30/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực-VVMI)

- Các sự kiện khác

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Gia công, chế tạo thiết bị áp lực và các sản phẩm Cơ khí.

+ Sửa chữa thiết bị cơ giới mỏ.

+ Kinh doanh hàng hóa, vật tư phục vụ khai thác mỏ.

- Địa bàn kinh doanh: Địa bàn kinh doanh chủ yếu tại các mỏ than tại tỉnh Quảng Ninh và, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Cơ chế quản trị công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng

(+) Đại hội đồng cổ đông

(+) Hội đồng quản trị

(+) Ban kiểm soát

(+) Ban giám đốc điều hành

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần nên việc điều hành theo mô hình 4 phòng chức năng, 3 phòng kinh doanh, 3 phân xưởng :

(+) Các phòng chức năng:

* Phòng Tổ chức - Hành chính

* Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính

* Phòng Kế hoạch – Vật tư

* Phòng Kỹ thuật – Cơ điện – An toàn – Môi trường

(+) Các phòng trực tiếp kinh doanh

* Phòng Kinh doanh 1

* Phòng Kinh doanh 2

* Phòng Kinh doanh 3

(+) Các phân xưởng sản xuất

* Phân xưởng Cơ khí

* Phân xưởng Sửa chữa

* Phân xưởng Phụ kiện hầm lò ✓

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Dự báo sản lượng khai thác và tiêu thụ than trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng cao nên ngành cơ khí trong tập đoàn là ngành có thể mạnh giữ vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất than. Đây là cơ hội tốt để cho ngành cơ khí phát triển đặc biệt là chế tạo thiết bị áp lực, phụ kiện hầm lò và sửa chữa thiết bị cơ giới mỏ.

+ Duy trì ổn định sản xuất, cải tạo đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm;

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp, tiết kiệm chi phí;

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động, nhằm tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Ngành cơ khí là một trong những ngành được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm với vị trí là ngành công nghiệp nền tảng, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ, đảm bảo khả năng tham gia sâu, có hiệu quả của nền kinh tế vào mạng sản xuất và phân phối toàn cầu. Chính vì vậy, trong Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam giai đoạn 2001 – 2010 có xét đến năm 2020 của Bộ Công Thương, đã đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2025, ngành cơ khí Việt Nam có khả năng cạnh tranh để phát triển trong hội nhập, có công nghệ hiện đại và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ở một số phân ngành, lĩnh vực cơ khí có khả năng cạnh tranh, đáp ứng cơ bản các yêu cầu công nghiệp hóa của đất nước và xuất khẩu. Đến năm 2035, ngành cơ khí Việt Nam được phát triển với đa số các chuyên ngành có công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu... Chiến lược cũng đề ra mục tiêu cụ thể, đến năm 2025, tỷ trọng ngành cơ khí chiếm trên 21% và năm 2035 chiếm 24% trong cơ cấu ngành công nghiệp. Năm 2025, ngành cơ khí đáp ứng trên 50% nhu cầu thị trường trong nước và năm 2035 đáp ứng trên 60%. Dựa trên các định hướng công ty tiếp tục đầu tư mở rộng xưởng sản xuất, nâng cao năng lực thiết bị để đáp ứng yêu cầu của công việc, đẩy mạnh nghiên cứu sản phẩm mới, mở rộng thị trường ra ngoài ngành

5. Các rủi ro: Trong năm 2016 và các năm tiếp theo Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn do Tập đoàn than và Khoáng sản Việt Nam tiết giảm chi phí, thu hẹp sản xuất. nhưng với sự cố gắng và nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo và người lao động Công ty sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 là một năm đầy biến động, xung đột chính trị, chiến tranh, khủng bố xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới. Nền kinh tế thế giới và khu vực tuy đã đang trên đà hồi phục nhưng vẫn còn có nhiều khó khăn thách thức. Mặc dù bị ảnh hưởng xấu của nền kinh tế thế giới, nền kinh tế trong nước cũng đã có nhiều chuyển biến tích cực và đang tiếp tục đà hồi phục, tăng trưởng GDP của cả nước dự kiến vẫn đạt trên 6%; kinh tế vĩ mô ổn định, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện đáng kể.

Tuy nhiên, đối với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, năm 2016 lại là một trong những năm khó khăn nhất trong hàng chục năm trở lại đây khi than sản xuất ra tiêu thụ chậm, lượng than tồn kho ở mức cao, giá bán tiếp tục giảm thấp do phải cạnh tranh với than nhập khẩu giá rẻ và các nhà sản xuất than khác ngoài Tập đoàn TKV như Tổng công ty Đông Bắc và một số đơn vị khác. Để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, Tập đoàn TKV phải nỗ lực tiết giảm tối đa chi phí, hạn chế mua sắm vật tư thiết bị, giảm sửa chữa thường xuyên và cắt giảm các công trình đầu tư chưa cần thiết. Do thị trường của Công ty phần lớn là trong Tập đoàn TKV nên công tác sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn.

Mặt khác, năm 2016 Tập đoàn TKV đã có những thay đổi về cơ chế điều hành sản xuất kinh doanh nhất là trong lĩnh vực sản xuất cơ khí và mua sắm vật tư hàng hóa. Theo đó trong kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh các sản phẩm hàng hóa chủ lực của Tập đoàn TKV với các đơn vị thành viên chỉ có tính chất định hướng, các đơn vị mua hàng lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa trên cơ sở chất lượng đảm bảo và giá cả cạnh tranh, vì thế Công ty cũng phải cạnh tranh rất quyết liệt với các đơn vị khác để bán hàng.

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh nhưng Công ty vẫn luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của Tập đoàn TKV, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP, các đối tác trong và ngoài Tập đoàn TKV về việc làm cho sản xuất cơ khí, sửa chữa thiết bị, kinh doanh vật tư hàng hoá, cùng với đó là sự cố gắng của bộ máy điều hành và đội ngũ làm công tác tìm kiếm thị trường nên Công ty vẫn duy trì ổn định công tác sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động với kết quả cụ thể như sau:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

*** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016.**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH	Thực hiện	% KH
I	SẢN XUẤT				
1	Sản xuất cơ khí				
	- Chế tạo thiết bị áp lực	Tấn	333	534	160.3
	- Chế tạo gông, thanh giằng	Tấn	4 350	3 285	75.1
	- Chế tạo lưới nóc lò	Tấn	1 527	1 598	104.6
	- Cầu máng cào	Cầu	2 941	3 343	113.6
	- Cơ khí khác	Tấn	880	921	104.6

	- Sửa chữa thiết bị	Cái	43	32	74.4
II	TỔNG DOANH THU	Tr.đ	400 000	347 701	86.93
1	DT khối Sản xuất	Tr.đ	185 000	172 858	93.44
2	DT khối Kinh doanh	Tr.đ	215 000	174 844	81.32
III	Nộp ngân sách nhà nước	tr.đ		12 606	
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3 000	3 056	101.88
V	Tiền lương bình quân 1CNV	đ.ng/thg	7 283 000	7 363 100	101.10
VI	Trả cổ tức 12% / vốn điều lệ 12tỷ	Tr.đ	1 440	1 440	100

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác.

1. Ông Nguyễn Mạnh Tú – Giám đốc điều hành Công ty

Giới tính	Nam
Năm sinh	10/05/1978
Quê quán	Thái Học – Chí Linh – Hải Dương
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	011 853 152
Ngày cấp/Nơi cấp	16/6/2006 Công an Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 32A ngõ 168/23 Hào Nam, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0904545453
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch. Trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: - Số cổ phần được Ủy quyền	654 cổ phần – tỷ lệ: 0,05% 654 cổ phần 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao	Không

dịch:

2. Ông Phạm Công Lộc – Phó giám đốc Công ty

Giới tính	Nam
Năm sinh	25/04/1962
Quê quán	Hoàng Hóa – Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	012 745 360
Ngày cấp/Nơi cấp	10/08/2004 Công an Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 24,ngách 484/74, Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0912346880
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế cơ khí
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch. Trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: - Số cổ phần được Ủy quyền	23.382 cổ phần – tỷ lệ: 1,95% 23.382 cổ phần 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch:	4 000 cổ phần

3. Ông Nguyễn Hữu Toàn – Phó giám đốc Công ty

Giới tính	Nam
Năm sinh	24/05/1968
Quê quán	Phường Đình Bảng – Từ Sơn – Bắc Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	011 649 879
Ngày cấp/Nơi cấp	09/01/2005 Công an Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Phòng 202, nhà B số 129, Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0913 006 900

Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Chế tạo máy
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch. Trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân - Số cổ phần được Ủy quyền	4.800 cổ phần – tỷ lệ 0,40% 4.800 cổ phần 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch	2.836 cổ phần

4. Bà Trương Thị Điểm – Kế Toán Trưởng

Giới tính	Nữ
Năm sinh	20/12/1961
Quê quán	Thôn Trung Châu – xã Đông Kết – H. Khoái Châu – Tỉnh Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
CMND	011239181
Ngày cấp/Nơi cấp	22/03/2010 Công an Hà Nội
Địa chỉ thường trú	Số 24/584, Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Điện thoại liên lạc	0982848869
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp
Tổng số cổ phần nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch. Trong đó: - Số cổ phần sở hữu cá nhân: - Số cổ phần được Ủy quyền	25.000 cổ phần – tỷ lệ: 2,08% 25.000 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan trong tổ chức đăng ký giao dịch	Không

- Những thay đổi trong ban điều hành: ✓

- + Miễn nhiệm chức danh Giám đốc đối với ông Đỗ Huy Hùng kể từ ngày 01/04/2016
- + Bổ nhiệm chức danh Giám đốc đối với ông Nguyễn Mạnh Tú kể từ ngày 01/04/2016
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.
- + Tổng số lao động có mặt tại thời điểm 31/12/2016 là 143 người
- + Công ty đã làm tốt các chế độ chính sách đối với người lao, trong năm 2016 công ty đã ban hành hệ thống thang bảng lương mới đúng với quy định của nhà nước. Triển khai rà soát và chuyển xếp lương theo đúng quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2016 công ty đã đầu tư mở rộng Phân xưởng phụ kiện Hầm lò nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất của công ty.

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	110 776 024 824	107 252 602 246	96.82
Doanh thu thuần	419 766 350 227	347 701 751 417	82.83
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3 486 542 104	3 054 595 973	87.61
Lợi nhuận khác	52 144 696	1 767 640	3.34
Lợi nhuận trước thuế	3 568 686 800	3 056 363 613	85.64
Lợi nhuận sau thuế	2 755 328 760	2 403 031 130	87.21
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%/6 tỷ đồng	12%/12 tỷ đồng	

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			

Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1.071 0.976	1.086 0.921	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.88 7.5	0.874 6.937	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân Doanh thu thuần/Tổng tài sản	34.47 3.78	14 3.24	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.65% 21% 2.48 % 0.83%	0.69% 17.78% 2.24% 0.87%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 1.200.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2016.

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước	107	1.200.000	100%
1	Cá nhân	106	588 000	49%
2	Tổ chức	1	612.000	51%

II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
-----------	---------------------------	----------	----------	-----------

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Quá trình tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2016

TT	Năm	Vốn điều trước phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành	Số vốn tăng thêm	Hình thức tăng
1	2016	6.000.000.000	12.000.000.000	6.000.000.000	Chia cổ phiếu thưởng với tỉ lệ 1:1

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

* Nguyên vật liệu sản xuất lưới thép

- Dây thép các loại: 3 911 845kg

* Nguyên vật liệu sản xuất các sản phẩm cơ khí.

- Thép các loại: 2 168 000kg

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Điện năng tiêu thụ cho sản xuất: 160 660Kwh/năm

- Điện năng tiêu thụ cho khu văn phòng: 69 380Kwh/năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng Hiện nay công ty đang sử dụng.

- Lượng nước tiêu thụ cho sinh hoạt 500m³/ năm (Xí nghiệp nước sạch Gia Lâm)

- Lượng nước tiêu thụ cho sản xuất 36m³/ năm (nước giếng khoan)

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

* Người lao động tại Công ty tại thời điểm 31/12/2016

TT	Chỉ tiêu	Số lượng(người)
1	Lao động quản lý	18
2	Lao động kỹ thuật, nghiệp vụ	12
3	Lao động phụ trợ	2
4	Lao động phục vụ	11
5	Lao động trực tiếp	100
Tổng cộng		143

* Chính sách đối với người lao động:

- Người lao động có đủ việc làm, năng suất lao động tăng, thu nhập đảm bảo, người lao động yên tâm công tác. Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên ngày càng được nâng lên cụ thể như sau.

+ Năm 2015: 7.765.900đồng/người/tháng

+ Năm 2016: 7 363.100đồng/người/tháng.

- Công ty áp dụng chính sách đào tạo và bồi dưỡng nâng tay nghề bậc thợ theo chính sách lao động áp dụng với DN nhà nước. Sử dụng thang bảng lương mới do Công ty xây dựng dựa trên các văn bản hướng dẫn của ngành và hướng dẫn của Nhà nước, mức lương thấp nhất không thấp hơn lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định.

- Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho người lao động luôn được quan tâm.

- Có chính sách thu hút nhân tài, xây dựng chế độ lương, thưởng thích đáng với đội ngũ cán bộ giỏi; công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề cao và có những đóng góp tích cực trong sản xuất kinh doanh. Trả lương thu hút đối với những cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực nhằm thúc đẩy người lao động tăng năng suất lao động và đảm bảo các quyền và lợi ích tương xứng với công sức đóng góp của người lao động.

- Công tác định mức lao động, giao đơn giá tiền lương, nghiệm thu, quyết toán lương hàng tháng được thực hiện kịp thời. Tiền lương và thu nhập thực tế của người lao động được trả đầy đủ, kịp thời, đúng kỳ hạn và được thể hiện đầy đủ trong sổ lương của từng cá nhân và sổ lương doanh nghiệp. ✓

- Các chế độ đối với người lao động được thực hiện đầy đủ kịp thời đúng quy định của Pháp luật và các quy chế của Công ty như: Việc quản lý hồ sơ của người lao động, giải quyết các thủ tục HĐLĐ, tiếp nhận, điều động, nghỉ hưu, chính sách về bảo hiểm xã hội, hưu trí, ốm đau thai sản, nghỉ dưỡng sức, nghỉ phép, điều dưỡng, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 cùng với HĐQT, ban điều hành đã chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong kinh doanh; tuân thủ các quy định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo đủ việc làm và thu nhập cho người lao động. Hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Cụ thể.

- Tổng doanh thu: 347.701 tr.đg/ 400.000tr.đg = 96.82%

- Nộp ngân sách nhà nước: 12 606 tr.đg

- Tiền lương bình quân đg/ng/thg: 7 363 100đg/ 7 283 000đg = 101.10%

- Lợi nhuận trước thuế: 3.056tr.đg/3.000tr.đg = 101.88%

- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 2.403tr.đg

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản.

8 Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2016: 107 252 602 246 đồng

Trong đó: - Tài sản ngắn hạn: 101 869 584 069 đồng

- Tài sản dài hạn: 5 383 018 177 đồng.

b) Tình hình nợ phải trả.

* Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2016: 107 252 602 246 đồng

Trong đó: - Nợ phải trả: 93 740 951 628 đồng ✓

- Vốn chủ sở hữu: 13 511 650 618 đồng.

* Các chỉ tiêu tài chính:

- Hệ số bảo toàn vốn: $H = 1.04$ lần
- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu: 6,937 lần
- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 1,086 lần
- Hiệu quả sử dụng vốn:
 - + Tỷ suất LN sau thuế /Vốn CSH (ROE): 17,78%
 - + Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA): 2,24%

Nhìn vào các chỉ tiêu trên cho thấy, Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn, Công ty có đủ khả năng hoàn thành nghĩa vụ trả nợ của mình khi đến hạn.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2016 Công ty đã rà soát, bố trí sắp xếp lại lao động tại các Phòng, Phân xưởng sản xuất đảm bảo đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của từng bộ phận.
- Kiểm tra, rà soát lại các nội quy, quy chế, quy định, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế đảm bảo chính xác trong công tác giao và nhận khoán tại các đơn vị.
- Năm 2016 được xác định là năm tiếp tục nâng cao đời sống người lao động để họ yên tâm công tác lâu dài tại công ty.
- Đầu tư có hiệu quả máy móc thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm bớt chi phí nhân công trong lúc lực lượng lao động đang giảm dần.

Lãnh đạo đặt ra những quan tâm giải quyết trước:

- Công tác cán bộ và đào tạo nguồn nhân lực
- Có quy chế kiểm soát chặt chẽ giá cả đầu vào
- Chất lượng sản phẩm đi kèm theo tiến độ sản xuất phải đảm bảo theo quy định
- Ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

- Doanh thu: 350 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 3 tỷ đồng
- Cổ tức: 12 %
- Tổng thu nhập bình quân: 7 303 000 đồng/người/tháng.

b. Kế hoạch đầu tư và xây dựng cơ sở vật chất

- Mở rộng và đưa vào sử dụng phân xưởng Phụ kiện hầm lò (quý II/2017)

- Mở rộng và đưa vào sử dụng phân xưởng Cơ khí (quý III/2017)

- Đầu tư 01 dầm cầu trục tại Phân xưởng phụ kiện hầm lò

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)
 - Năm 2016 công ty đã hoàn thành Đề án bảo vệ môi trường, các chỉ tiêu về xả thải đạt tiêu chuẩn cho phép. Môi trường làm việc được cải thiện định kỳ tổ chức quan trắc và đánh giá môi trường làm việc tại công ty.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
 - Công ty đã làm tốt các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo đúng quy định.
- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
 - Công ty đã làm tốt đối với địa phương, làm tốt công tác an ninh trật tự đảm bảo không để xảy ra mất trật tự tại nơi đơn vị đóng quân

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Trong năm 2016 nhìn chung mọi hoạt động của công ty có nhiều cố gắng. Cán bộ công nhân viên và người lao động đã có gắng vượt qua những khó khăn để hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

- Công ty đã làm tốt công tác bảo vệ môi trường đặc biệt là môi trường làm việc cho người lao động trực tiếp sản xuất. Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định. Công ty đã xây dựng Đề án bảo vệ môi trường và đang tiến hành hoàn thiện các kiến nghị theo quy định.

- Đối địa phương nơi công ty đặt trụ sở, Công ty đã làm tốt công tác xã hội như công tác tuyển dụng con em trên địa bàn vào làm việc tại công ty, tham gia và đóng góp đầy đủ và có trách nhiệm đối với địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Với sự chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy công ty, năm 2016 Ban Giám đốc công ty đã hoàn thành nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao. Các đồng chí trong Ban Giám đốc đã chủ động trong công tác điều hành, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người lao động từ đó điều chỉnh công tác quản lý phù hợp với từng giai đoạn sản xuất kinh doanh.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm Toán BDO.
- Ý kiến của kiểm toán độc lập: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực - VVMI tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán:* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán). (file đính kèm).

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT HN; Ủy ban CK NN;
- Tổng CTCN mở VBTKV – CTCP(b/c)
- Thành viên HĐQT, BKS
- Website Công ty
- Lưu VP, HĐQT(12b)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Mạnh Tú